

Giám thị 1:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

Giám thị 2:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....
2. Hội đồng coi thi :.....
3. Phòng thi:.....
4. Họ và tên thí sinh:.....
.....
5. Ngày sinh:...../...../.....
6. Chữ ký của thí sinh:.....
7. Bài thi:.....
8. Ngày thi:...../...../.....

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.
Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	11 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D	21 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
02 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D	12 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	22 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
03 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D	13 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	23 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D
04 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D	14 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D	24 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
05 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D	15 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D	25 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
06 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D	16 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D	26 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
07 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D	17 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D	27 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
08 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	18 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D	28 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
09 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	19 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	
10 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D	20 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D	